

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lương Thị Kim Anh

+ Ông Trần Phi Long

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhật Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 28/11/2024, giữa:

1/Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu T – Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 41 Hoàng Diệu, Khối 3 phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2/Bị đơn: Ông Lê Tự Quốc M – Sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối Thanh Quýt 1, phường Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu T trình bày: Bà T và ông M kết hôn vào ngày 23/12/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐTT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M đã quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không lo cho vợ, con, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã

nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay nên bà T yêu cầu ly hôn ông M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Anh Th - Sinh ngày 15/11/2016. Hiện nay con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn ông Lê Tự Quốc M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giao nhận bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai của ông M đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà T được ly hôn ông M, giao con Lê Anh Th cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông M có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với ông M, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông M hiện đang cư trú tại phường Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M kết hôn vào ngày 23/12/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T khai là do ông M đã quan hệ bất chính

với người phụ nữ khác, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Vợ chồng không còn tình cảm và không chung sống với nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Đối với ông M trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cố tình vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai và yêu cầu của ông M đối với việc ly hôn của bà T, không tiến hành được phiên hòa giải để động viên vợ, chồng về đoàn tụ chung sống. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà T không còn tình cảm, thực tế hai người không chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của bà T có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông M phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Anh Th. Bà T yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét yêu cầu của bà T thấy rằng: Con chung sống cùng bà T từ nhỏ đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân con chung vẫn sống cùng bà T, được bà T chăm sóc nuôi dưỡng rất tốt, bé Thư có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi ly hôn. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án ông M không đến Tòa án để trình bày ý kiến và nêu yêu cầu của mình, điều đó chứng tỏ ông M không có nguyện vọng nuôi con chung. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con, đồng thời để đáp ứng với nguyện vọng của con, HĐXX cần phải giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về khoản cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và Lệ phí, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệu T đối với ông Lê Tự Quốc M về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Diệu T và ông Lê Tự Quốc M.

2/Về quan hệ con chung: Có 01 con chung

Giao con Lê Anh Th - Sinh ngày 15/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Diệu T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, ông Lê Tự Quốc Mẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014733 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị Diệu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND phường Điện Thắng Trung;
- THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung